TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:336/2025/DS-ST
Ngày: 23-12-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- ***Thư ký phiên* toà**: Ông Trần Hồng Sơn là Thư ký Tòa án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 676/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2025/QĐXXST – DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 320/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị K, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú: số D khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô N, sinh năm 1967; địa chỉ: số A đường A, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; Cùng trú tại địa chỉ: 5 khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 05/3/2025, bà Vũ Thị K có cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B vay số tiền 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) để giải quyết

việc kinh doanh của gia đình. Việc cho vay được hai bên lập hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2025, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 05/3/2025 đến ngày 05/6/2025, không tính lãi suất. Để đảm bảo cho việc trả tiền vay, ông L, bà B đã giao cho bà K giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 734858; số vào số cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H6063 do UBND huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, TP .) cấp ngày 08/8/2006 cho ông Nguyễn Văn L, khi đáo hạn hợp đồng ông L, bà B trả hết tiền cho bà K thì bà K sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà B.

Đến thời hạn trả tiền vay là ngày 05/6/2025 ông L, bà B không trả cho bà K theo đúng cam kết. Bà K đã nhiều lần đòi tiền nhưng ông L, bà B tránh né không gặp, bà K điện thoại thì ông L, bà B không nghe máy. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên bà Vũ Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Vũ Thị K toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cùng lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày chậm thanh toán là ngày 05/6/2025 đến ngày Tòa án xét xử vụ án, tạm tính là 6 tháng, lãi suất 10%/năm. Tổng số tiền bà Vũ Thị K yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B phải trả là 367.500.000đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả buổi hòa giải, xét xử của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có văn bản xin giải quyết vắng mặt, đồng thời có bản tự khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2025 thể hiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có vay của bà Vũ Thị K số tiền 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 05/3/2025 đến ngày 05/6/2025. Đến hạn trả ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B không trả. Do đó, bà Vũ Thị K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B thanh toán số tiền nợ. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có cùng địa chỉ tại số E khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại bản tự khai ngày 30/10/2025, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B thanh toán tổng số tiền là 367.500.000đồng, trong đó nợ gốc là 350.000.000đồng và nợ lãi là 17.500.000đồng. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà K đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B nhưng ông L và bà B không có văn bản trình bày ý kiến hay văn bản phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà K. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông L và bà B tham gia hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông L và bà B tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông L và bà B vắng mặt không có lý do, như vậy ông L và bà B đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ.

[2.1] Đối với yêu cầu số tiền gốc 350.000.000đồng: Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 05/3/2025 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có vay của bà Vũ Thị K số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay. Hết thời hạn vay ông L và bà B không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên bà K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B thanh toán tiền gốc 350.000.000đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với số tiền lãi 17.500.000đồng: Xét; theo hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2025 thể hiện nội dung bà B ông L vay tiền có thời hạn và không lãi suất. Nay ông L, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ khoản 4 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định pháp luật. Về thời gian nguyên đơn yêu cầu thanh toán 06 tháng từ 05/6/2025 đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tính đến ngày 23/12/2025 là 06 tháng 18 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 06 tháng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 734858; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H6063 do UBND huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, TP H) cấp ngày 08/8/2006 cho ông Nguyễn Văn L: Xét, theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2025 các bên thỏa thuận nội dung: khi ông L, bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà K, bà K có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, cần buộc bà Vũ Thị K có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận trên cho ông Nguyễn Văn L khi ông L, bà B thanh toán xong số nợ.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B.

Ý kiến phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 367.500.000 đồng tương đương án phí là 18.375.000đồng.

Về chi phí đăng báo trên phương tiện thông tin địa chúng: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466,468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị K số tiền 367.500.000đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Vũ Thị K có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 734858; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H6063 do UBND huyện D, tỉnh Bình Dương (cũ) cấp ngày 08/8/2006 cho ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B phải liên đới nộp số tiền 18.375.000đồng (Mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Vũ Thị K là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B phải nộp số tiền 2.724.300đồng chi phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng để trả lại cho bà Vũ Thị K đã nộp tạm ứng trước đây.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo